BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 003111 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02417.23

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA SÔCÔLA LÚA MẠCH - VINAMILK SUSU**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-7

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 03 hộp x 180 ml

Ngày nhận mẫu : 13/02/2023

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Enterobacteriaceae	ISO 21528-2:2017 (b)	< 1 CFU/ml	14/02/2023
2	*Listeria monocytogenes*	ISO 11290-2:2017 (b)	< 1 CFU/ml	14/02/2023

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 1 CFU /ml : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22-02-2023

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts. Hoàng Hoài Phương

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 003112 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02418.23

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA SÔCÔLA LÚA MẠCH - VINAMILK SUSU**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-7

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 03 hộp x 180 ml

Ngày nhận mẫu : 13/02/2023

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	20/02/2023
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	20/02/2023
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	20/02/2023
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	20/02/2023

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22-02-2023

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts. Hoàng Hoài Phương

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 003113 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02419.23

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA SÔCÔLA LÚA MẠCH - VINAMILK SUSU**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-7

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 03 hộp x 180 ml

Ngày nhận mẫu : 13/02/2023

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Aflatoxin B1	HD.PP.04/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	17/02/2023
2	Aflatoxin tổng (B1,B2,G1,G2)	HD.PP.04/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	17/02/2023
3	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	17/02/2023
4	Zearalenone	HD.PP.27/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện MLOD = 5 µg/kg	17/02/2023
5	Deoxynivalenol	HD.PP.27/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	17/02/2023
6	Ochratoxin A	HD.PP.17/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	17/02/2023

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22-02-2023

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts. Hoàng Hoài Phương

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 003114 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02420.23

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA SÔCÔLA LÚA MẠCH - VINAMILK SUSU**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-7

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 03 hộp x 180 ml

Ngày nhận mẫu : 13/02/2023

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	16/02/2023

Ghi chú:
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22-02-2023

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 003115 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02421.23

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA SÔCÔLA LÚA MẠCH - VINAMILK SUSU**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-7

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 03 hộp x 180 ml

Ngày nhận mẫu : 13/02/2023

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Chlormequat	HD.PP.09/TT.SK (LC-MS/MS)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	13/02/2023
2	Ethephon	HD.PP.112/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	21/02/2023
3	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	13/02/2023
4	Aldrin và Dieldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	13/02/2023
5	Chlordane	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	13/02/2023
6	Chlorpyrifos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	13/02/2023
7	DDT	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	13/02/2023
8	Disulfoton	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	13/02/2023
9	Endosulfan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	13/02/2023
10	Fipronil	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	13/02/2023
11	Heptachlor	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	13/02/2023
12	Lindan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	13/02/2023

Mã số mẫu: 02421.23

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Abamectin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	13/02/2023
14	Dimethoate	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	13/02/2023
15	Flumethrin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	13/02/2023
16	Methamidophos	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	13/02/2023
17	Penconazole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	13/02/2023
18	Piperonyl butoxide	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	13/02/2023
19	Spinosad	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	13/02/2023
20	Tebufenozide	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	13/02/2023

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22-02-2023

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 003116 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02422.23

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA SÔCÔLA LÚA MẠCH - VINAMILK SUSU**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-7

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 03 hộp x 180 ml

Ngày nhận mẫu : 13/02/2023

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	15/02/2023
2	Clenbuterol	HD.PP.68-1/TT.SK:2020 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/l	14/02/2023
3	Colistin	HD.PP.46/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/l	15/02/2023
4	Diminazen	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 25 µg/l	15/02/2023
5	Dexamethasone	HD.PP.08/TT.SK:2019 (Ref.Application Note 720004511EN Waters & Ref.Journal of Chromatography B, 826 (2005), 214-219 & Ref.Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis 41 (2006), 554-564) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/l	13/02/2023
6	Ceftiofur	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015,5133 - 5140) (b)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/l	15/02/2023
7	Chlortetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (b)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/l	21/02/2023

Mã số mẫu: 02422.23

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
8	Oxytetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (b)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/l	21/02/2023
9	Tetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (b)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/l	21/02/2023
10	Benzylpenicillin	HD.PP.46/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/l	15/02/2023
11	Procaine benzylpenicilin	HD.PP.46/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/l	15/02/2023
12	Lincomycin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	15/02/2023
13	Pirlimycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.J.Agric.Food Chem, 2015,5133-5140) (b)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/l	15/02/2023
14	Spiramycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (b)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/l	15/02/2023
15	Tylosin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (b)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/l	15/02/2023
16	Sulfadimidine	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (b)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/l	15/02/2023
17	Isometamidium	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 10 µg/l	15/02/2023
18	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/l	20/02/2023
19	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/l	20/02/2023
20	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/l	20/02/2023
21	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/l	20/02/2023
22	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/l	20/02/2023
23	Albendazole	HD.PP.159/TT.SK:2022	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	13/02/2023
24	Doramectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	13/02/2023
25	Eprinomectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	13/02/2023
26	Febantel	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	13/02/2023
27	Fenbendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	13/02/2023
28	Imidocarb	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	13/02/2023
29	Ivermectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	13/02/2023

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
30	Monensin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/l	13/02/2023
31	Oxfendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	13/02/2023
32	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	13/02/2023
33	Trichlorfon (Metrifonat)	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	13/02/2023
34	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/l	13/02/2023
35	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/l	13/02/2023
36	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/l	13/02/2023
37	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/l	13/02/2023

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22-02-2023

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts. Nguyễn Đức Thịnh